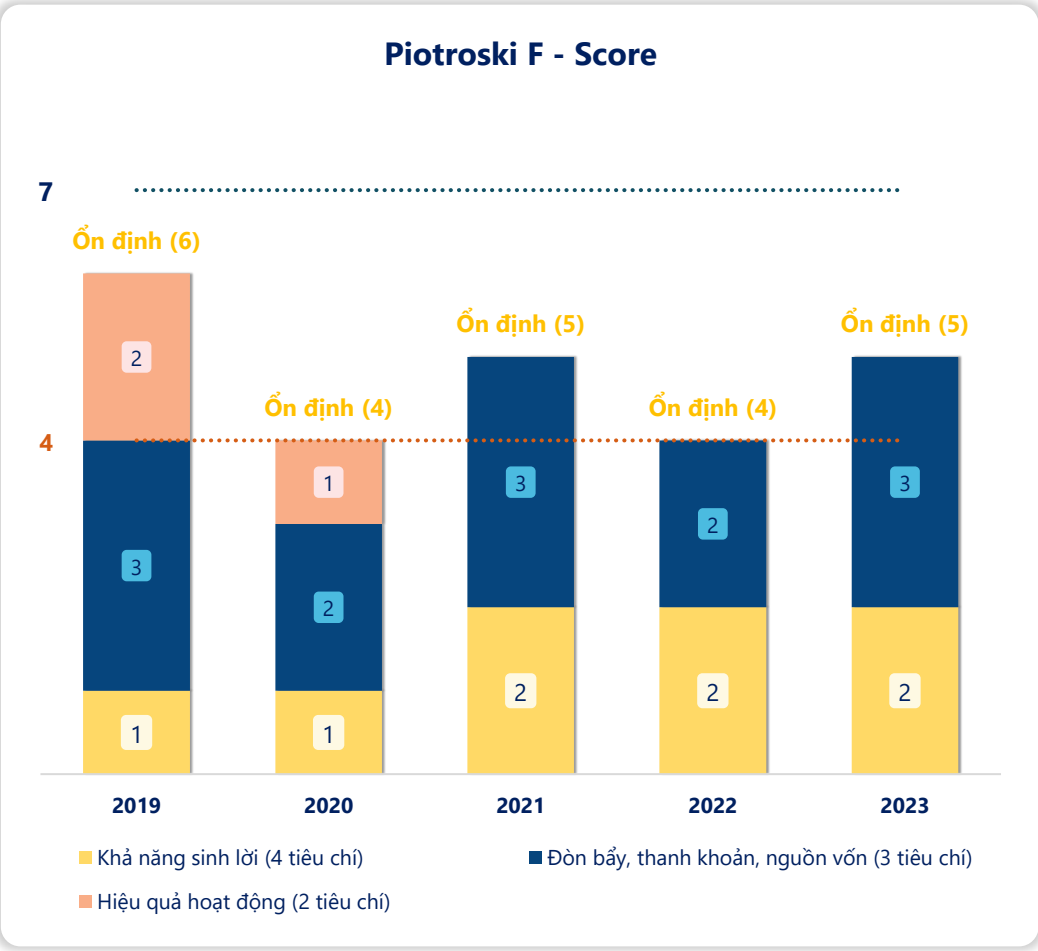
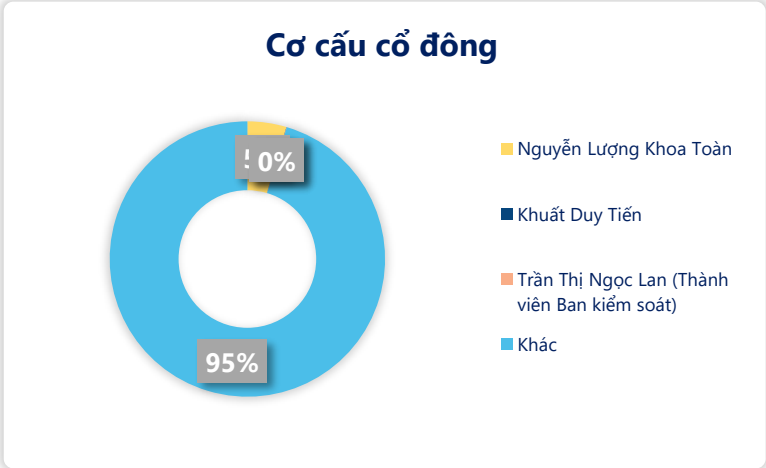
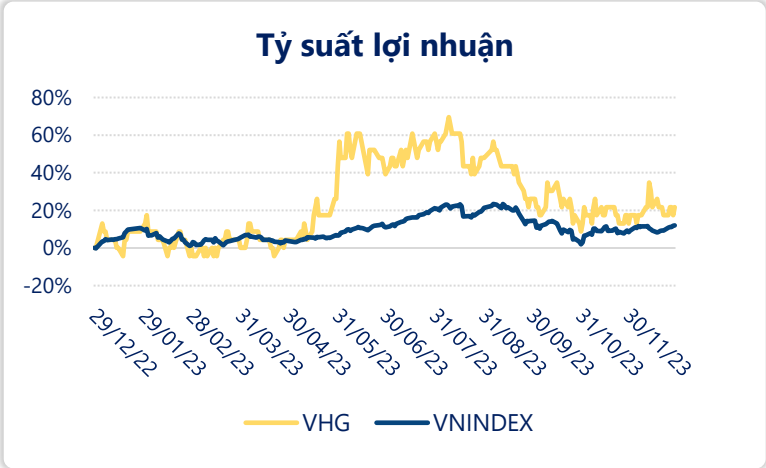


CTCP Đầu tư và Phát triển Việt Trung Nam (UPCOM: VHG)

Bảng điểm Piotroski F-Score đánh giá sức khỏe tài chính của doanh nghiệp về tỷ suất lợi nhuận, cơ cấu vốn, tính thanh khoản và hiệu quả hoạt động. Thành phần của Piotroski F-Score gồm 9 chỉ tiêu tài chính, tương ứng với thang điểm từ 0 đến 9.

Ngày	2,800 VNĐ			Sức mạnh tài chính	2023	2023	2023
29/12/2023				Piotroski F - Score	5/9	DT thuần	LN sau thuế
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng	2023	(Ổn định)	0	-0.74
	3.7%	3.7%	-15.2%			tỷ VNĐ	tỷ VNĐ
							YoY ▲ 26.2 ▲ 97.2%

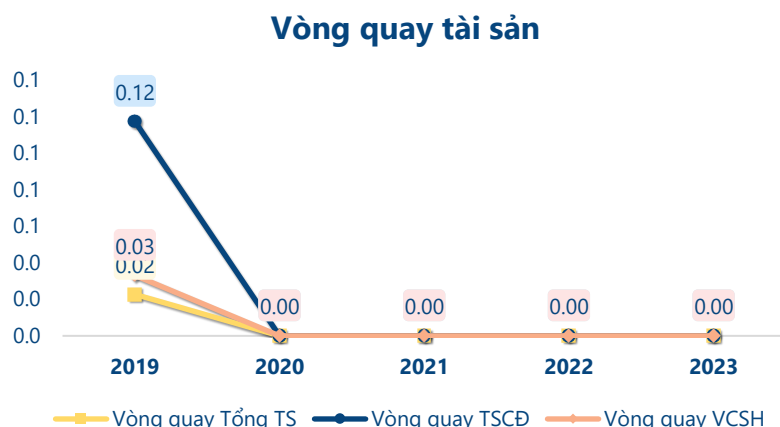
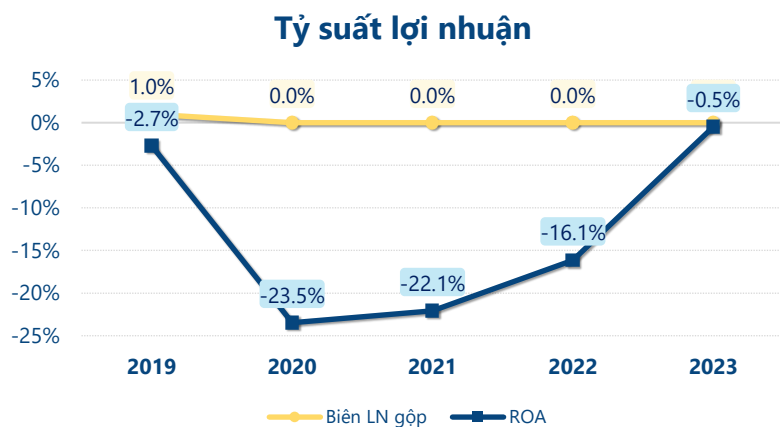
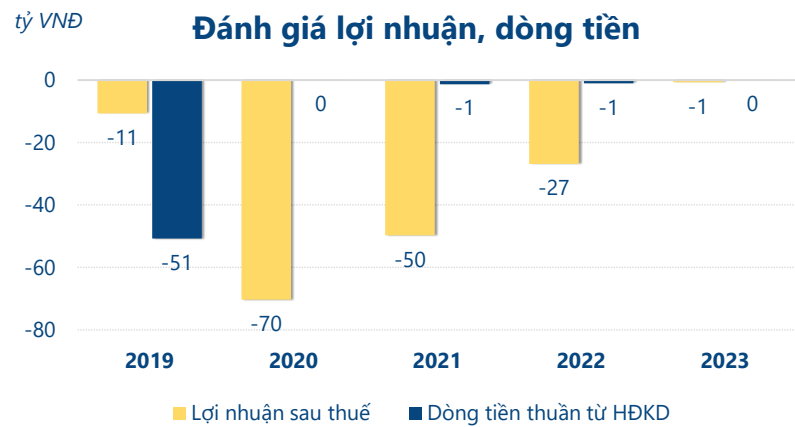


Năm **2023**, F-Score của **VHG** đạt **5/9** cao hơn năm trước nhưng sức khỏe tài chính vẫn thuộc vùng "**Ổn định**".

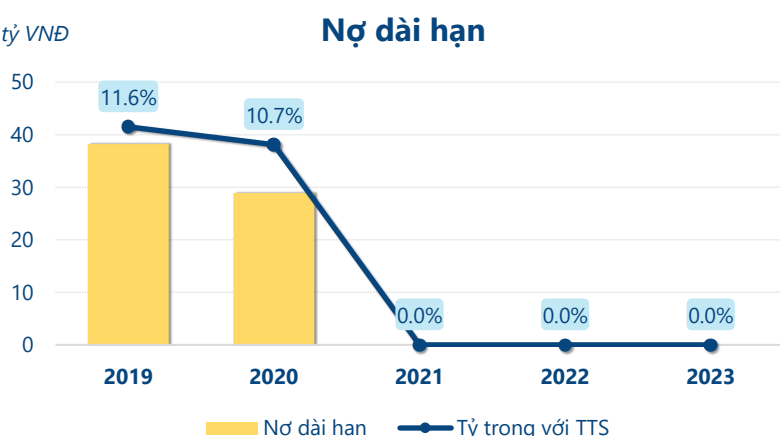
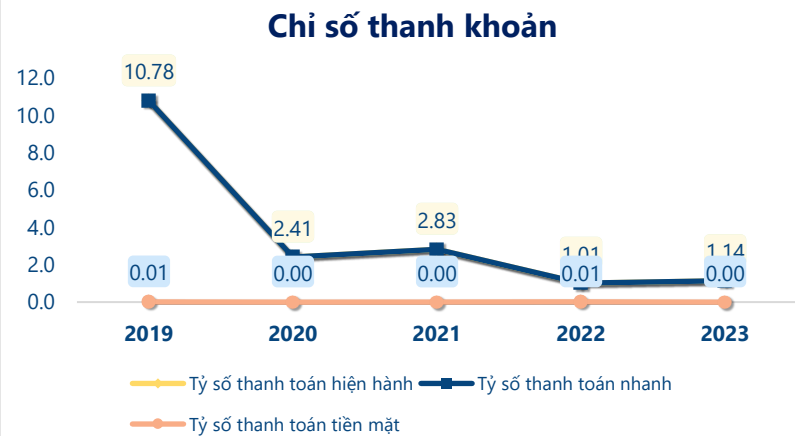
Trong đó, khả năng sinh lời **không đổi** đạt **2/4** điểm, các tiêu chí về: đòn bẩy, thanh khoản, nguồn vốn có cải thiện đạt điểm **3/3**. Và tiêu chí về hiệu quả hoạt động, **không đạt** điểm nào cho thấy hiệu quả hoạt động của công ty chưa tốt.

Với F-Score ở mức ổn định cho thấy có một số yếu tố tích cực trong tình hình tài chính và hoạt động của công ty, nhưng vẫn còn một số yếu tố cần cải thiện để cải thiện sức khỏe tài chính và tăng cường hiệu quả hoạt động.

CTCP Đầu tư và Phát triển Việt Trung Nam (UPCOM: VHG)



Xét các tiêu chí thành phần của **F-Score** năm **2023** của **VHG**: Dấu hiệu tiêu cực khi lợi nhuận sau thuế và dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh âm, cho thấy công ty đang gặp vấn đề lớn khi không chỉ ghi nhận lỗ trên báo cáo thu nhập mà còn gặp khó khăn trong việc sinh lời từ hoạt động cốt lõi. Sự tăng trưởng của ROA phản ánh công ty đang tạo ra lợi nhuận tốt hơn từ mỗi đơn vị tài sản sử dụng. Việc giảm tỷ lệ nợ dài hạn so với tổng tài sản thường phản ánh việc doanh nghiệp giảm bớt mức độ phụ thuộc vào nguồn vốn vay dài hạn. Tỷ số thanh toán hiện hành tăng phản ánh sự cải thiện của công ty trong quản lý dòng tiền để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ ngắn hạn một cách hiệu quả hơn. Không phát hành thêm cổ phiếu trong kỳ cho thấy sự ổn định trong quy mô vốn cổ phần, giúp duy trì tính hấp dẫn và niềm tin nhà đầu tư.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
Tổng tài sản	147	153	-4.3%
Tài sản ngắn hạn	9.60	13.6	-29.5%
Tiền và tương đương tiền	0.04	0.07	-41.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.07	0.09	-27.6%
Phải thu ngắn hạn	9.24	13.3	-30.3%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.26	0.21	24.3%
Tài sản dài hạn	137	140	-1.9%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	137	140	-1.9%
Tài sản dài hạn khác	0	0	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	11.3	13.4	-16.1%
Nợ ngắn hạn	11.3	13.4	-16.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.81	0.81	0.0%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	135	140	-3.2%
Vốn chủ sở hữu	135	140	-3.2%
Vốn điều lệ	1,500	1,500	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	8.91	0	0	0	0
Giá vốn hàng bán	8.82	0	0	0	0
Lợi nhuận gộp	0.09	0	0	0	0
Doanh thu HĐTC	2.47	0.00	0.00	0.00	0
Chi phí TC	131	0.00	37.5	2.56	2.20
Chi phí lãi vay	0.45	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	-19.0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	13.7	40.5	12.2	24.3	0.70
LN thuần từ HĐKD	-142	-59.5	-49.7	-26.9	-2.90
Lợi nhuận khác	0.00	-8.40	-0.01	0.00	2.16
LN trước thuế	-142	-67.9	-49.7	-26.9	-0.74
Lợi nhuận sau thuế	-26.0	-73.1	-49.7	-26.9	-0.74
LNST của CĐ cty mẹ	-10.7	-70.4	-49.7	-26.9	-0.74

LƯU CHUYỂN TIỀN 1 (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-50.8	-0.03	-1.32	-1.08	-0.03
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	58.0	0.00	1.30	1.13	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-7.85	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0.72	0.07	0.04	0.02	0.07
Lưu chuyển tiền thuần	-0.65	-0.03	-0.02	0.05	-0.03
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.07	0.04	0.02	0.07	0.04